

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2022
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*/ **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: thôn GĐ, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*/ **Bị đơn:** Anh Dương Văn N, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: thôn GĐ, xã MĐ, huyện UH, TP. Hà Nội.

*/ **Người làm chứng:** Ông Dương Văn N1, sinh năm 1959 và bà Phùng Thị H1, sinh năm 1955; Đều ĐKKHKT: thôn GĐ, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Chị T, ông N1 và bà H1 đều có đơn xin vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Đào Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ năm 2014. Vợ chồng chung sống được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ chồng chị đánh đuổi chị đi, chị phải ra ngoài thuê nhà trọ để ở cùng chồng nhưng được thời gian ngắn anh N ham

chơi lô đề, cờ bạc, không chịu làm ăn, không đỡ đần chị mọi chuyện trong gia đình, chị có nói thì anh N không nghe, chị về nói chuyện với bố mẹ chồng chị thì bố mẹ chồng chị còn đánh chị, xúi anh N đuổi chị đi. Chị vẫn cố gắng chịu đựng chung sống với anh N, tuy nhiên vợ chồng chị chung sống đã lâu mà không có con nên tình cảm lại ngày càng xa cách, không có mối liên kết tình cảm vợ chồng. Đến năm 2020, vợ chồng chị có làm thủ tục nhận 01 con nuôi theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh N cũng không đoái hoài gì đến vợ con và gia đình. Nay chị không còn tình cảm gì với anh N nữa, chị không thể tiếp tục cuộc sống như này nữa nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con nuôi chung: Dương Thùy T – sinh ngày 05/11/2020. Hiện nay, cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con nuôi chung Dương Thùy T và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đã nói chuyện với anh N về việc ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn nhưng anh N có quan điểm không lên Tòa án làm việc, chị nộp đơn thì tự đi giải quyết, Tòa án cứ giải quyết. Chị nhận thấy anh N có thái độ không hợp tác nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng chị để tránh mất thời gian của chị và của Tòa án. Chị cũng không còn chứng cứ tài liệu nào khác để giao nộp cho Tòa nên đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Bị đơn anh Dương Văn N: Không có ý kiến trình bày gì.

Theo biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, ông Dương Văn N1 và bà Phùng Thị H1 là người làm chứng trình bày: về mối quan hệ ông bà là bố mẹ đẻ anh Dương Văn N. Anh N và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã MĐ và gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, chung sống với nhau một thời gian thì chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có những lời nói và hành động hờn lảo với ông bà, chị T không làm tròn bổn phận người con dâu, người vợ. Anh N và chị T kết hôn đã lâu mà không có con đẻ chung, đến năm 2020 anh chị có làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh N và chị T sống ly thân mấy năm nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm anh N có nhờ ông bà nói lại với Tòa là anh N đồng ý ly hôn nhưng do anh N bận đi làm nên không lên Tòa án làm việc và trình bày quan điểm được. Anh N hiện sống cùng nhà và cùng đăng ký T trú với ông bà nhưng anh N đi làm đến tối mới về nhà, ông bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N ngay trong ngày.

Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương xã MĐ cung cấp: Chị Đào Thị T là người gốc ở Nam Chính – MĐ - UH - Hà Nội, tự nguyện kết hôn với anh Dương Văn N và có đăng ký tại UBND xã MĐ ngày 10/4/2014. Sau khi kết hôn chị T chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh N tại thôn GĐ, xã MĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng anh N chị T cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Chính quyền địa phương chỉ biết khoảng mấy tháng gần đây chị T và anh N không sống cùng nhau nữa, đang sống ly thân. Chị T và anh N không có con đẻ chung. Năm 2020 anh N và chị T có làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định pháp luật, cụ thể con nuôi là Phạm Thùy T, sinh ngày 05/11/2020, sau khi làm thủ tục nhận con nuôi và đăng ký khai sinh cho con nuôi thì anh N và chị T thay đổi họ cho con nuôi chung thành Dương Thùy T, sinh ngày 05/11/2020 theo Giấy khai sinh số 198 và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyền số 01, vào sổ đăng ký nuôi con nuôi ngày 16/4/2021. Anh N có đăng ký T trú và hiện sống chung nhà với bố mẹ đẻ là ông Dương Văn N1 bà Phùng Thị H1 ở GĐ – MĐ - UH – Hà Nội.

Tại phiên tòa, chị T, anh N, ông N1 và bà H1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N; giao con nuôi chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập anh N đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng thông qua ông N1 bà H1 là bố mẹ anh N có trình bày với Tòa là do anh N bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Dương Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện UH ngày 10/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do có mâu thuẫn với mẹ chồng, sau đó là anh N ham chơi lô đề cờ bạc không đỡ đần chị mọi việc trong gia đình, hơn nữa, anh chị lấy nhau đã lâu mà chưa có con chung; còn theo ông N1 bà H1 trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh N và chị T là do chị T có những lời nói và hành động hỗn láo với ông bà, không làm tròn bổn phận làm con dâu, làm vợ. Chị T cương quyết xin được ly hôn với anh N. Phía anh N trong suốt quá trình hòa giải và phiên tòa anh N không đến Tòa để thể hiện nguyện vọng không có lý do chính đáng. Thông qua ông N1 bà H1 là bố mẹ đẻ anh N được biết anh N có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng vì bận đi làm nên không lên Tòa án làm việc được.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N với chị T là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh N và chị T có 01 con nuôi chung là Dương Thùy T – sinh ngày 05/11/2020. Hiện tại, cháu đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn chị được nuôi dưỡng con nuôi chung và chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét, hiện nay con nuôi chung đang ở với chị T, con nuôi chung mới được gần 24 tháng tuổi, chưa được 36 tháng tuổi nên còn quá bé, cần có sự chăm sóc của mẹ hơn; anh N không có mặt ở Tòa để trình bày nguyện vọng, chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nuôi chung nên giao con nuôi chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật; chị T không yêu cầu nên tạm hoãn N1 vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 78, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Dương Văn N.

2. Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Dương Văn N có 01 con nuôi chung là: Dương Thùy T – sinh ngày 05/11/2020. Giao con nuôi chung Dương Thùy T cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn N1 vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Sau ly hôn anh N có quyền, N1 vụ thăm nom con nuôi chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057487 ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyện UH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Trung

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa